

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HỆ THỐNG CHUYỂN TIỀN LIÊN NGÂN HÀNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG QUỐC GIA (IBPS) TẠI VIỆT NAM

● ĐẶNG ĐÌNH TÂN

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu tổng quan các xu hướng phát triển của các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng tại các quốc gia, sự hình thành và phát triển của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTLNH) Quốc gia tại Việt Nam, từ đó chỉ ra những bất cập còn tồn tại trong TTLNH và đề xuất một số kiến nghị nhằm cung cấp thêm quan điểm về giải pháp phát triển hệ thống TTLNH trong giai đoạn sắp tới.

Từ khóa: chuyển tiền liên ngân hàng, hệ thống thanh toán bù trừ theo phiên, hệ thống thanh toán tổng tức thời, hệ thống thanh toán hybrid, hệ thống thanh toán tích hợp.

1. Hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng là gì?

Hệ thống thanh toán là một thỏa thuận chính thức dựa trên pháp luật hoặc các thỏa thuận hợp đồng tư nhân - với nhiều thành viên, các quy tắc chung và thủ tục được tiêu chuẩn hóa - để truyền tải, thanh toán bù trừ, bù trừ và/hoặc quyết toán các nghĩa vụ tiền tệ phát sinh giữa các thành viên.

Hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng là một hệ thống thanh toán trong đó tất cả (hoặc gần như tất cả) người tham gia là các tổ chức tín dụng chịu sự giám sát của ngân hàng trung ương (ECB, 2010). Do đặc điểm thành viên chủ yếu bao gồm các ngân hàng nên các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng cũng thường được coi là “xương sống” của hệ thống

thanh toán quốc gia. Ban đầu, các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng được thiết lập dựa trên mô hình hệ thống thanh toán bù trừ theo phiên (Designated-Time Net Settlement - DTNS), trong đó các giao dịch thanh toán giữa các ngân hàng thành viên trong hệ thống được tập hợp và xử lý bù trừ với nhau tại các thời điểm định kỳ (gọi là phiên bù trừ) trong ngày. Một mô hình khác của các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng gọi là hệ thống thanh toán tổng tức thời (Real-Time Gross Settlement - RTGS), theo đó các giao dịch thanh toán được xử lý ngay khi (tức thời) tiếp nhận theo từng giao dịch trong phạm vi số dư hoặc hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán của ngân hàng gửi yêu cầu

(Nakajima, 2012; Nakajima & Hancock, 2020). Các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng theo mô hình RTGS thường áp dụng với các giao dịch chuyển tiền giá trị cao và/hoặc có yêu cầu khẩn về thời gian thực hiện. Trong khi đó, các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng theo mô hình DTNS thường áp dụng với các giao dịch giá trị thấp và không yêu cầu khẩn về thời gian.

Các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng vận hành dựa trên hai yếu tố chính.

- Yếu tố đầu tiên là việc chuyển thông tin giữa ngân hàng phục vụ người trả tiền và ngân hàng phục vụ người được trả tiền. Về nguyên tắc, các lệnh thanh toán có thể là chuyển khoản có (trả tiền) hoặc chuyển khoản nợ (đòi tiền), mặc dù trên thực tế hầu như tất cả các hệ thống chuyển tiền có giá trị cao hiện đại đều là hệ thống chuyển tiền có trong đó cả lệnh chuyển tiền và tiền đều di chuyển từ ngân hàng của người trả tiền (ngân hàng gửi) đến ngân hàng của người nhận tiền (ngân hàng nhận tiền). Các tin điện thanh toán được xử lý theo các quy tắc và quy trình vận hành được xác định trước.

- Yếu tố thứ hai là quyết toán - nghĩa là việc chuyển tiền thực tế giữa ngân hàng của người trả tiền và ngân hàng của người được trả tiền. Việc quyết toán không thể hủy ngang và vô điều kiện.

Về mặt quy trình thực hiện, các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng thường bao gồm các bước: 1) Khởi tạo; 2) Xác thực; 3) Phê duyệt; 4) Tra soát và trả lời tra soát; 5) Nhận thanh toán; 6) Quyết toán; và 7) Đối chiếu.

2. Xu hướng của thế giới về mô hình các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng quốc gia

2.1. Xu hướng của thế giới về hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng

Về cơ bản, các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng quốc gia được thiết lập dựa trên hai mô hình là mô hình hệ thống thanh toán bù trừ theo phiên (DTNS) và thanh toán tổng tức thời (RTGS) (BIS, 1997), trong đó các hệ thống RTGS đang có xu hướng được chấp nhận rộng rãi trên thế giới so với các hệ thống DTNS (Bech, Preisig, & Soramäki, 2008; Nakajima & Hancock, 2020).

Điểm mạnh của các hệ thống DTNS là việc quyết toán cuối cùng chỉ dựa trên trạng thái ròng của các giao dịch thanh toán được tích lũy trong

hàng đợi tính đến thời điểm thực hiện phiên bù trừ nên giúp tiết kiệm thanh khoản cho các ngân hàng thành viên tham gia. Tuy nhiên, các hệ thống DTNS có điểm yếu là các giao dịch thanh toán chỉ có thể được “thông qua” vào thời điểm cuối ngày, điều này không đáp ứng nhu cầu thanh toán cho các giao dịch phát sinh với tốc độ ngày càng nhanh của thị trường.

Các hệ thống RTGS trái lại thực hiện quyết toán đối với từng giao dịch ngay khi nhận được lệnh thanh toán từ ngân hàng khởi tạo nên có thể giúp khắc phục các rủi ro chủ yếu như trên (BIS, 1997; Bech, Preisig, & Soramäki, 2008; Nakajima, 2017a). Tuy vậy, các hệ thống RTGS cũng đặt ra “áp lực” đối với khả năng thanh toán (thanh khoản) của các ngân hàng thành viên, theo đó các ngân hàng thành viên phải duy trì số dư và/hoặc vay mượn các thành viên khác đầy đủ, cho phép sẵn sàng thực hiện giao dịch thanh toán tại mọi thời điểm trong ngày (tức thời).

Kể từ cuối những năm 1990 cho đến nay, các loại hệ thống thanh toán mới đã xuất hiện nhằm giải quyết những vấn đề như trên của các hệ thống thanh toán theo mô hình “truyền thống” DTNS và RTGS, bao gồm các “hệ thống kết hợp” (hybrid system) - việc quyết toán ròng được thực hiện nhiều lần trong ngày và “hệ thống tích hợp” (integrated system) - là loại hệ thống cho phép xử lý giao dịch thanh toán theo chế độ RTGS hoặc chế độ kết hợp (Nakajima, 2017b).

2.2. Các hệ thống Hybrid tại Đức, Pháp, Mỹ

Hệ thống kết hợp (hybrid) kết hợp giữa ưu điểm của hệ thống DTNS (tính năng tiết kiệm thanh khoản) và hệ thống RTGS (tính năng xử lý tức thời, giảm rủi ro về quyết toán). Trong hệ thống Hybrid, việc quyết toán trạng thái ròng được thực hiện thường xuyên hoặc liên tục, thường xuyên. Do tính năng này, hệ thống Hybrid còn được gọi là hệ thống “Thanh toán bù trừ liên tục” (Continuous Net Settlement - CNS).

Đức là quốc gia đầu tiên báo cáo nâng cấp triển khai thành công hệ thống Hybrid có tên gọi là EAF2 vào năm 1996 dựa trên nền tảng hệ thống DTNS. Hệ thống EAF2 hỗ trợ thực hiện quyết toán ròng song phương với định kỳ 20 phút/phiên trong buổi sáng và 2 phiên bù trừ đa phương được thực

hiện trong buổi chiều. Trong giai đoạn 1999 - 2001, các hệ thống Hybrid tiếp theo như Hệ thống thanh toán bù trừ Paris (PNS) ở Pháp và Hệ thống thanh toán liên ngân hàng thanh toán bù trừ (CHIPS) ở Hoa Kỳ đã lần lượt trở thành các hệ thống Hybrid trên cơ sở nâng cấp từ hệ thống DTNS. Tính năng mới của các hệ thống này là việc quyết toán ròng được thực hiện liên tục dựa trên các sự kiện quyết toán (nhận các khoản thanh toán đến, bổ sung tiền vào tài khoản thanh toán hoặc điều chỉnh tăng hạn mức nợ ròng), thay vì theo các khoảng thời gian đều đặn như trong EAF2. Trong số các hệ thống Hybrid nêu trên, hệ thống CHIPS ở Mỹ được coi là hệ thống tiên tiến nhất.

2.3. Các hệ thống tích hợp (Integrated) tại Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh, Cộng đồng châu Âu, Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc

Hệ thống tích hợp là hệ thống thanh toán hỗ trợ hai chế độ hoạt động dựa trên RTGS và Hybrid. Các ngân hàng thành viên tham gia của Hệ thống tích hợp chỉ cần mở và duy trì thanh khoản trên một tài khoản thanh toán duy nhất tại ngân hàng trung ương để sử dụng thanh toán theo chế độ RTGS cho các khoản thanh toán khẩn hoặc chế độ Hybrid cho các khoản thanh toán không yêu cầu khẩn về thời gian.

Kể từ những năm cuối 1990, các hệ thống tích hợp đã bắt đầu được đưa vào vận hành tại nhiều quốc gia như hệ thống LVTS tại Canada năm 1999, hệ thống PIS tại Pháp năm 1999, hệ thống RTGSplus tại Đức năm 2001, hệ thống new BIREL tại Ý vào năm 2004, hệ thống TARGET2 của Cộng đồng châu Âu năm 2007, hệ thống MEPS+ tại Singapore năm 2006, hệ thống RTGS-XG tại Nhật Bản năm 2006, hệ thống BOK-Wire+ tại Hàn Quốc năm 2009 và mới nhất hệ thống CHAPS tại Vương quốc Anh vào năm 2013 (Nakajima, 2017a).

Sự phát triển nêu trên cho thấy xu hướng của thế giới trong các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng quốc gia đó là quá trình phát triển từ mô hình cơ bản đến mô hình cao cấp nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả của hệ thống thanh toán cả trên phương diện chi phí cũng như quản lý rủi ro trong hệ thống ngân hàng.

Tuy nhiên, như đã trình bày ở trên, nhiều quốc gia đặc biệt là các quốc gia thuộc khu vực Châu Á

Thái Bình Dương như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản... đã nâng cấp toàn bộ hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng ở giai đoạn phát triển thứ hai để trở thành hệ thống tích hợp ở giai đoạn phát triển thứ tư hiện nay với hai chế độ hoạt động RTGS và Hybrid.

3. Sự hình thành và phát triển của Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia tại Việt Nam¹

Tại Việt Nam, hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng quốc gia có tên gọi chính thức là Hệ thống TTLNH Quốc gia thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), đồng thời được vận hành, sử dụng bởi các thành viên là các ngân hàng, tổ chức chủ trì hệ thống bù trừ điện tử và các đơn vị liên quan thuộc NHNN. Hệ thống TTLNH hiện nay là kết quả của một “tiểu dự án” có tên gọi là “Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng” (có tên gọi là Interbank Payment System - IBPS) thuộc dự án “Hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán” được tài trợ bởi Ngân hàng Thế giới trong những năm 1990. Kể từ khi được chính thức đưa vào vận hành năm 2002, hệ thống TTLNH đã trải qua các giai đoạn phát triển chủ yếu như Bảng 1.

- **Giai đoạn 2002 - 2009 (giai đoạn 1):** Hệ thống TTLNH được triển khai tại Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng Quốc gia (Trung tâm Xử lý quốc gia - NPSC) và các Trung tâm Xử lý thanh toán điện tử liên ngân hàng khu vực (Trung tâm Xử lý khu vực - RPC) bao gồm Sở giao dịch - NHNN, NHNN Chi nhánh TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ và RPC dự phòng. Có hơn 60 ngân hàng (gồm 6 đơn vị thuộc NHNN và 59 NHTM) với gần 270 đơn vị thành viên tham gia. Các RPC (Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ) gửi kết quả bù trừ về Trung tâm Xử lý quốc gia (NPSC) để xử lý quyết toán vào tài khoản ngân hàng thành viên tại Sở Giao dịch-NHNN. Thời gian thực hiện một lệnh thanh toán (giữa ngân hàng khởi tạo lệnh thanh toán và ngân hàng nhận lệnh thanh toán) không quá 10 giây.

- **Giai đoạn 2009 - 2019 (giai đoạn 2):** Hệ thống TTLNH được thiết kế với công suất xử lý lên tới 2 triệu giao dịch/ngày; phạm vi mở rộng ra toàn bộ 63 tỉnh, thành cả nước. Trong giai đoạn này, hệ thống

Bảng 1. Quá trình hình thành và phát triển của Hệ thống TTLNH

Đặc điểm hệ thống TTLNH	Giai đoạn 2002 - 2009	Giai đoạn 2009 - 2019	Giai đoạn 2019 đến nay
Tên gọi chính thức	Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng	Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia (từ 2016)	Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia
Trung tâm xử lý quốc gia (NPSC)	1 NPSC 1 NPSC dự phòng	1 NPSC 1 NPSC dự phòng	1 NPSC 1 NPSC dự phòng
Trung tâm xử lý khu vực (RPC)	6 RPC	6 RPC	
Cấu phần của Trung tâm xử lý quốc gia	3 tiểu hệ thống: - Thanh toán giá trị cao - Thanh toán giá trị thấp - Xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán	3 tiểu hệ thống: - Thanh toán giá trị cao - Thanh toán giá trị thấp - Xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán	4 cấu phần: - Thanh toán giá trị cao - Thanh toán ngoại tệ - Thanh toán giá trị thấp - Xử lý tài khoản thanh toán
Loại giao dịch thanh toán	Lệnh thanh toán có/nợ giá trị cao/khẩn/giá trị thấp	Lệnh thanh toán có/nợ giá trị cao/khẩn/giá trị thấp	Lệnh thanh toán có/nợ giá trị cao/khẩn/giá trị thấp Kết quả quyết toán bù trừ ròng từ các hệ thống khác (VND)
Loại tiền tệ chấp nhận thanh toán	VND	VND	VND, USD, EUR
Thời điểm bắt đầu nhận lệnh thanh toán giá trị cao, giá trị thấp và kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác (VND)	8 giờ 00 phút	8 giờ 00 phút	8 giờ 00 phút
Thời điểm ngừng nhận lệnh thanh toán giá trị thấp, thời điểm ngừng nhận yêu cầu xử lý kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác	16 giờ 00 phút	16 giờ 00 phút	16 giờ 30 phút (các ngày trong tháng) 17 giờ 00 phút (hai ngày cuối tháng)
Thời điểm ngừng nhận lệnh thanh toán giá trị cao, lệnh thanh toán bằng ngoại tệ	17 giờ 00 phút	17 giờ 00 phút	17 giờ 00 phút (các ngày trong tháng) 17 giờ 45 phút (hai ngày cuối tháng)
Thời điểm hoàn thành thực hiện xử lý các lệnh thanh toán đã nhận trong hàng đợi quyết toán (nếu có)	16 giờ 10 phút - 17 giờ 15 phút	16 giờ 10 phút - 17 giờ 15 phút	Tối đa 30 phút kể từ thời điểm Hệ thống TLNH ngừng nhận lệnh thanh toán
Đối chiếu, xác nhận số liệu cuối ngày	Từ 17 giờ 15 phút trở đi	Từ 17 giờ 15 phút trở đi	Ngay sau thời điểm hoàn thành thực hiện xử lý các lệnh thanh toán đã nhận trong hàng đợi quyết toán (nếu có)

Đặc điểm hệ thống TTLNH	Giai đoạn 2002 - 2009	Giai đoạn 2009 - 2019	Giai đoạn 2019 đến nay
Loại thành viên	Thành viên trực tiếp, đơn vị thành viên trực tiếp và thành viên gián tiếp	Thành viên trực tiếp, đơn vị thành viên trực tiếp và thành viên gián tiếp	- Thành viên trực tiếp, đơn vị thành viên trực tiếp và thành viên gián tiếp- Tổ chức chủ trì hệ thống bù trừ điện tử
Phạm vi thực hiện	Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ	Tất cả các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước	Tất cả các tỉnh, thành phố trên phạm vi cả nước

Nguồn: Tổng hợp của nghiên cứu từ Thông tư số 23/2010; Thông tư số 37/2016/TT-NHNN.

TTLNH đã có trên 160 thành viên (gồm 63 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố và 96 tổ chức tín dụng) với hơn 750 đơn vị thành viên; và vẫn đang tiếp tục được mở rộng, cung cấp dịch vụ cho các công ty tài chính, các tổ chức phi tín dụng ngân hàng. Trung tâm Xử lý quốc gia (chính và dự phòng) của Hệ thống TTLNH đến hết giai đoạn này gồm 3 tiểu hệ thống (cấu phần) như sau:

+ Tiểu hệ thống (Cấu phần) thanh toán giá trị cao: thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán giá trị cao từ 500 triệu đồng (VND) trở lên và thanh toán khẩn. Đối với mỗi món thanh toán giá trị cao, hệ thống truy nhập và kiểm tra ngay số dư tài khoản khách hàng trước khi xử lý hạng mục thanh toán/hoặc quyết toán. Nếu tài khoản của khách hàng không đủ tiền, giao dịch đó sẽ được giữ lại và xử lý theo cơ chế hàng đợi.

+ Tiểu hệ thống (Cấu phần) thanh toán giá trị thấp: Thanh toán giá trị thấp là những giao dịch thanh toán có giá trị dưới 500 triệu đồng (VND) và được xử lý theo lô. Các giao dịch thanh toán giá trị thấp được bù trừ tại các trung tâm xử lý khu vực theo địa bàn tương ứng trên cơ sở định kỳ. Hệ thống TTLNH được thiết kế cho phép xử lý thanh toán cả trong trường hợp tài khoản của thành viên không có đủ số dư thực hiện. Trong trường hợp này, lệnh thanh toán có thể được thực hiện khi tài khoản của thành viên tại NHNN vẫn còn đủ hạn mức thấu chi theo quy định.

+ Tiểu hệ thống (Cấu phần) xử lý tài khoản tiền gửi thanh toán: thực hiện kiểm tra, hạch toán lệnh thanh toán giá trị cao và xử lý kết quả thanh toán giá trị thấp. Cấu phần này được thiết kế để quyết toán tức thời giá trị cao (nếu tài khoản thanh toán

của thành viên đủ tiền) và các khoản thanh toán giá trị thấp trong trường hợp khẩn. Cấu phần này cho phép NHNN giám sát nguồn vốn của các thành viên, đồng thời cũng cho phép các ngân hàng thành viên tham gia hệ thống kiểm soát được luồng vốn của mình. Cuối mỗi ngày làm việc, báo cáo đối chiếu được gửi về từng chi nhánh của ngân hàng thành viên và báo cáo đối chiếu tổng hợp được gửi về Hội sở chính của từng thành viên.

- Giai đoạn từ năm 2019 đến nay (giai đoạn 3):

Kể từ khi hoàn thành triển khai và đưa vào vận hành giai đoạn 2, hệ thống TTLNH đã liên tục được cải tiến để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng hơn 30%/năm. Năm 2018, NHNN đã thực hiện dự án “Bổ sung một số dịch vụ thanh toán và tập trung hóa hệ thống TTLNH”. Hệ thống TTLNH được bổ sung, nâng cấp được chính thức đưa vào sử dụng từ năm 2019 với những thay đổi quan trọng như sau: (1) Bổ sung dịch vụ thanh toán USD và EUR là 2 loại tiền chiếm phần lớn tỷ trọng trong hoạt động thanh toán ngoại tệ của các TCTD; (2) Bổ sung dịch vụ quyết toán theo lô cho phép tổ chức cung ứng dịch vụ bù trừ điện tử (NAPAS) có thể gửi bảng kê quyết toán trên các tài khoản thành viên mở tại Sở giao dịch NHNN, (3) Chuyển đổi mô hình kỹ thuật với thay đổi quan trọng nhất là tập trung hóa đầu mối kết nối và xử lý về Trung tâm xử lý quốc gia và (4) Nâng cấp khả năng tiếp nhận và xử lý lệnh thanh toán để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thanh toán của các đơn vị thành viên. Đến giai đoạn này, hệ thống TTLNH không còn sự hiện diện của các Trung tâm xử lý khu vực mà chỉ còn duy nhất một Trung tâm xử lý quốc gia (chính và dự phòng) với sự mở rộng các cấu phần bao gồm:

+ Cấu phần Thanh toán giá trị cao: thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng Đồng Việt Nam sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị cao.

+ Cấu phần Thanh toán ngoại tệ: thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ sử dụng dịch vụ thanh toán ngoại tệ.

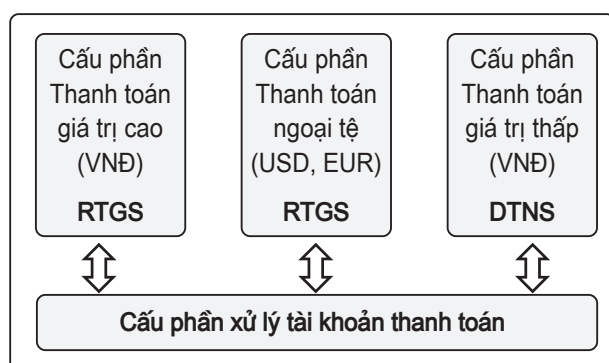
+ Cấu phần Thanh toán giá trị thấp: thực hiện thanh toán các Lệnh thanh toán giá trị thấp sử dụng dịch vụ thanh toán giá trị thấp.

+ Cấu phần xử lý tài khoản thanh toán: thực hiện kiểm tra, hạch toán Lệnh thanh toán giá trị cao, Lệnh thanh toán bằng ngoại tệ, xử lý kết quả bù trừ giá trị thấp và kết quả quyết toán ròng từ các hệ thống khác.

4. Kết luận và khuyến nghị về mô hình phát triển đối với Hệ thống TTLNH tại Việt Nam

Mô hình hệ thống TTLNH tại Việt Nam hiện nay là một tập hợp bao gồm hai hệ thống thanh toán RTGS (cấu phần Thanh toán giá trị cao và cấu phần Thanh toán ngoại tệ thực hiện quyết toán tổng tức thời cho các lệnh thanh toán giá trị cao bằng VND và các lệnh thanh toán bằng USD, EUR) và một hệ thống DTNS (cấu phần Thanh toán giá trị thấp thực hiện quyết toán ròng cuối ngày cho các lệnh thanh toán giá trị thấp bằng VND) (Hình 1).

Hình 1: Mô hình Trung tâm xử lý của Hệ thống TTLNH



Mặc dù đối với người sử dụng đầu cuối tại các thành viên và đơn vị thành viên, các dịch vụ của hệ thống TTLNH được cung cấp như một chỉnh thể bao gồm các dịch vụ thanh toán giá trị cao, giá trị thấp và ngoại tệ (thông qua một phần mềm gọi là CI-TAD được cài đặt tại máy tính của người sử

dụng) nhưng trên thực tế các giao dịch thuộc các loại dịch vụ khác nhau đó được định hướng và xử lý trong các hệ thống RTGS và DTNS riêng biệt. Hệ thống TTLNH với mô hình thiết kế như vậy đương nhiên có những điểm mạnh và điểm yếu của cả 2 loại hệ thống theo mô hình RTGS và DTNS.

Thứ nhất, cấu phần Thanh toán giá trị cao (VND) và cấu phần Thanh toán ngoại tệ (USD, EUR) cung cấp tính năng quyết toán tức thời theo từng lệnh thanh toán miễn là các ngân hàng thành viên duy trì số dư đầy đủ trong tài khoản thanh toán. Bên cạnh đó, do là các hệ thống RTGS “thuần túy” (Nakajima, 2017a) nên các cấu phần này luôn tiềm ẩn rủi ro phát sinh các gridlocks gây ra tắc nghẽn dây chuyền trong toàn bộ hệ thống thanh toán.

Thứ hai, cấu phần Thanh toán giá trị thấp (VND) cung cấp tính năng quyết toán ròng vào cuối ngày (cụ thể là sau khi ngừng nhận lệnh thanh toán giá trị thấp) giúp tiết kiệm thanh khoản đối với các ngân hàng thành viên. Tuy nhiên chỉ với một phiên bù trừ cuối ngày (theo kiểu hệ thống DTNS “thuần túy”), cấu phần Thanh toán giá trị thấp cũng tiềm ẩn rủi ro về quyết toán thanh toán cũng như làm gia tăng rủi ro tín dụng cho bên khởi tạo lệnh thanh toán giá trị thấp. Ngoài vấn đề trên, các quy định cũng như thực hành trong xử lý hạn mức nợ ròng hiện nay chưa được tự động hóa nên việc cập nhật chưa kịp thời, làm giảm hiệu quả thanh toán đối với các ngân hàng thành viên nói riêng và toàn hệ thống nói chung.

Những bất cập như trên trong mô hình hệ thống TTLNH tại Việt Nam hiện nay đòi hỏi ngành Ngân hàng cần phải “Cấu trúc lại hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng theo hướng tập trung, hiện đại, đóng vai trò là hệ thống thanh toán xương sống quốc gia, thực hiện vai trò trung tâm thanh toán của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ cho hệ thống thanh toán giá trị cao, thanh toán đa tệ liên ngân hàng... và kết nối được với các hệ thống thanh toán khác trong nền kinh tế.”² Căn cứ vào chiến lược quốc gia về hệ thống thanh toán như vậy, tổng kết của Nakajima (2017a) về các giai đoạn phát triển/tiến hóa của các hệ thống chuyển tiền liên ngân hàng quốc gia trên thế giới và hiện trạng của hệ thống TTLNH như đã trình bày, các khuyến nghị sau được đề xuất với mục đích cung cấp thêm quan điểm về giải pháp

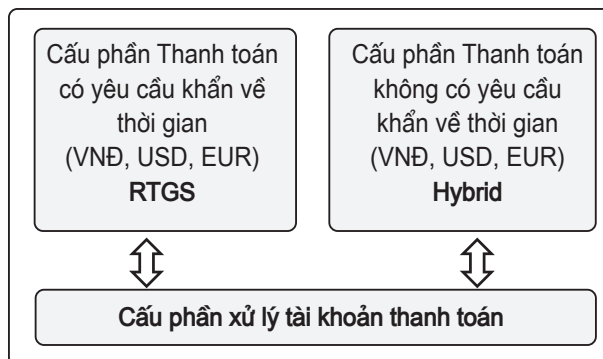
phát triển hệ thống TTLNH trong giai đoạn sắp tới như sau (Hình 2).

Thứ nhất, nghiên cứu và xây dựng phương án khả thi để nâng cấp cấu phần Thanh toán giá trị thấp từ một hệ thống DTNS thuần túy trở thành hệ thống theo mô hình Hybrid. Trong dài hạn, cấu phần Thanh toán giá trị thấp cần được xem xét định hướng lại (và do đó, đổi tên cho phù hợp) là cấu phần hỗ trợ thực hiện các giao dịch thanh toán không yêu cầu khẩn về thời gian. Cấu phần này cũng hỗ trợ chấp nhận giao dịch theo các loại tiền tệ khác nhau bao gồm cả VND, USD, EUR. Cấu phần Thanh toán giá trị thấp theo mô hình Hybrid cần được xem xét trang bị các tính năng như sau:

- Hỗ trợ tự động thực hiện các phiên quyết toán ròng dựa trên các sự kiện quyết toán như phát sinh lệnh thanh toán đến, bổ sung số dư tài khoản thanh toán hoặc cập nhật (tăng) hạn mức nợ ròng của thành viên, thay vì chỉ thực hiện các phiên quyết toán ròng tại các thời điểm được cấu hình định kỳ trong ngày.

- Hỗ trợ thực hiện quyết toán cuối cùng theo các cơ chế quyết toán ròng đơn phương, song phương và đa phương. Hơn nữa, cơ chế quyết toán ròng trong cấu phần Thanh toán giá trị thấp theo mô hình Hybrid cần hỗ trợ thực hiện cả phương thức quyết toán ròng “toàn phần” (full netting) (xem xét tất cả

Hình 2: Đề xuất mô hình Trung tâm xử lý của Hệ thống TTLNH



giao dịch của tất cả các thành viên) như hiện nay cũng như phương thức quyết toán ròng “một phần” (partial netting) (chỉ xem xét một số giao dịch của một số thành viên).

Thứ hai, nghiên cứu và xây dựng phương án khả thi tiếp tục duy trì và phát triển cấu phần Thanh toán giá trị cao theo hướng tích hợp với cấu phần Thanh toán giá trị thấp theo mô hình Hybrid. Trong dài hạn, cấu phần Thanh toán giá trị cao sẽ được định hướng lại (và do đó, đổi tên cho phù hợp) là cấu phần hỗ trợ các giao dịch thanh toán có yêu cầu khẩn về thời hạn thanh toán. Cấu phần này cũng hỗ trợ chấp nhận giao dịch theo các loại tiền tệ khác nhau bao gồm cả VND, USD, EUR ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Số liệu và thông tin về hệ thống TTLNH trong phần này được dẫn từ các nguồn: <https://www.dbv.gov.vn>; Thông tư số 23/2010; Thông tư số 37/2016/TT-NHNN.

²Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bech, M. L., Preisig, C., & Soramäki, K. (2008). Global Trends in Large-Value Payments. [Online] Available at <https://www.newyorkfed.org/medialibrary/media/research/epr/08v14n2/0809prei.pdf>
2. BIS. (1997). Real-time Gross Settlement Systems. Basel: Bank for International Settlements.
3. ECB. (2010). The Payment System. Frankfurt am Main: European Central Bank.
4. Garratt, R., Lu, Z., & Tian, P. (2023). How Banks Create Gridlock to Save Liquidity in Canada's Large Value Payment System. [Online] Available at <https://www.bankofcanada.ca/wp-content/uploads/2023/05/swp2023-26.pdf>

5. Nakajima, M. (2012). The Evolution of Payment Systems. [Online] Available at <http://www2.bbweb-arena.com/nakaji8/European%20Financial%20Review%20Feb2012.pdf>
6. Nakajima, M. (2017a). Analysis on World Trends of Payment Systems. [Online] Available at https://www.academia.edu/33639192/Analysis_on_World_Trends_of_Payment_Systems
7. Nakajima, M. (2017b). Study of Advanced Payment Systems: Analysis of the Mechanisms in HybridSystem and Integrated System. [Online] Available at https://www.academia.edu/33639185/Study_of_Advanced_Payment_Systems_Analysis_of_the_Mechanisms_in_Hybrid_System_and_Integrated_System
8. Nakajima, M., & Hancock, J. (2020). Innovations in payments. [Online] Available at https://www.bis.org/publ/qtrpdf/r_qt2003f.pdf

Ngày nhận bài: 19/7/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/8/2023

Thông tin tác giả:

ĐẶNG ĐÌNH TÂN

Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

THE DEVELOPMENT TRENDS OF NATIONAL INTERBANK ELECTRONIC PAYMENT SYSTEMS AND THE INTERBANK ELECTRONIC PAYMENT SYSTEM OF VIETNAM

● DANG DINH TAN

Faculty of Accounting - Auditing,
Banking University of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This paper analyzes the development trends of interbank money transfer systems in different countries and the development of the interbank electronic payment system (IBPS) in Vietnam. The paper also points out the shortcomings in the IBPS and proposes some recommendations to develop the IBPS in the coming period.

Keywords: interbank money transfer, session clearing system, instant gross payment system, hybrid payment system, integrated payment system.